

Nâng cao hiệu quả giảng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y thông qua các hoạt động cụ thể

Nguyễn Thị Vân An*

** Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Received: 12/5/2023; Accepted: 20/5/2023; Published: 18/06/2023

Abstract: This paper aims to present a collection of effective activities designed to teach medical English vocabulary to medical students. The activities proposed in this article blend receptive tasks with creative exercises, offering a comprehensive approach to vocabulary learning. Particularly emphasized is the strategy of deducing word meanings from context, which proves to be an indispensable technique in the vocabulary acquisition process.

Keywords: Medical English vocabulary, effective teaching activities

1. Đặt vấn đề

Việc học tốt Tiếng Anh chuyên ngành sẽ giúp sinh viên y khoa có cơ hội nhận được học bổng để học lên bậc cao hơn hoặc cơ hội trao đổi học hỏi tại các bệnh viện trên thế giới và phát triển bản thân trong môi trường làm việc quốc tế nơi mà các sĩ phải giao tiếp với bệnh nhân và đội ngũ nhân viên y tế bằng tiếng Anh. Để đạt được các mục tiêu nói trên, nội dung chương trình tiếng Anh chuyên ngành y khoa phải đảm bảo cung cấp cho các sinh viên trường Đại học y được những kiến thức từ vựng tiếng Anh chuyên ngành sâu rộng để người học khi thực hành nghề y có thể sử dụng viết bệnh sử, ra y lệnh cũng như thảo luận các vấn đề với bệnh nhân và đội ngũ nhân viên bệnh viện. Bên cạnh đó, những bác sĩ tương lai cũng cần có năng lực đọc được các văn bản dùng trong lĩnh vực y khoa, thực hiện bài thuyết trình cũng như tham gia thảo luận tại các hội thảo chuyên ngành y. Do đó, trong chương trình tiếng Anh chuyên ngành Y được, từ vựng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh cho sinh viên. Sinh viên y khoa cần được trang bị đầy đủ kiến thức về từ vựng tiếng anh chuyên ngành, bao gồm những cách sử dụng từ và phát âm của từ. Ngoài ra, sinh viên cũng cần nắm rõ sự lựa chọn từ vựng trong giao tiếp phụ thuộc vào tình huống cụ thể, ví dụ như ngôn ngữ bác sĩ dùng khi giao tiếp với nhau trong khi làm việc (medical terms) sẽ khác ngôn ngữ mà bác sĩ dùng khi giao tiếp với bệnh nhân (lay terms). Bài viết trình bày một số ví dụ về các hoạt động dạy học được thiết kế và sử dụng trong việc giảng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y được. Những bài luyện tập về từ vựng

được thiết kế đa dạng nhằm làm tăng hứng thú học tập tiếng Anh chuyên ngành Y cho sinh viên đồng thời cũng từng bước hỗ trợ phát triển trí nhớ dài hạn của sinh viên đối với những từ vựng tiếng Anh chuyên ngành hữu ích cho việc giao tiếp trong tương lai ở các môi trường làm việc khác nhau bằng tiếng Anh.

2. Nội dung nghiên cứu

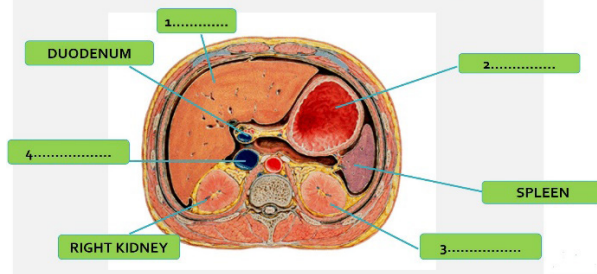
2.1. Hoạt động giảng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y bằng hình ảnh

Một trong những kỹ thuật giảng dạy từ vựng đã được chứng minh tính hiệu quả chính là sử dụng hình ảnh, tranh vẽ và bảng biểu hỗ trợ. Những hoạt động dạy từ vựng bằng ảnh đã được chứng minh là giúp người học hiểu nghĩa của từ dễ dàng và nhanh chóng tiếp thu được các từ mới thông qua các hình ảnh trực quan. Trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành y, việc giáo viên sử dụng các hình ảnh, biểu đồ sẽ rất hữu ích khi giảng dạy các thuật ngữ giải phẫu, trang thiết bị trong phòng khám và buồng bệnh. Các hoạt động sử dụng hình ảnh để giảng dạy từ vựng sẽ được trình bày cụ thể thông qua việc dán nhãn cho tranh, đoán từ sau khi xem tranh và hoạt động mở rộng.

2.1.1. Dán nhãn cho tranh (labelling the photos)

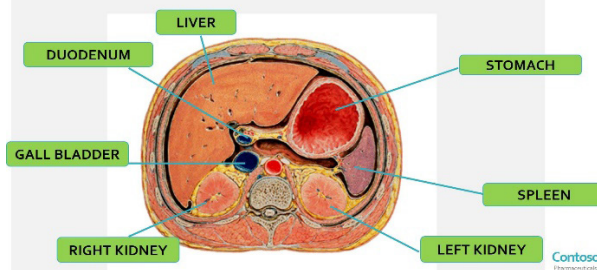
Giáo viên chuẩn bị những bức ảnh giải phẫu và yêu cầu sinh viên dán nhãn có tên các bộ phận cơ thể người xuất hiện trong bức ảnh. Sau khi sinh viên hoàn thành, giáo viên kiểm tra kết quả với toàn thể sinh viên trong lớp. Việc nhìn tranh và dán nhãn tạo điều kiện cho sinh viên tham gia tích cực vào phần trình bày của giáo viên. Trong hoạt động được mô tả dưới đây, sinh viên được yêu cầu dán nhãn tranh với tên của một số bộ phận cơ thể trong khoang bụng người:

Look at the picture in part A (p.14). Write the names of the following abdominal organs:



Hình 1a. Hình ảnh chụp cắt lớp một phần khoang bụng cơ thể người mà giáo viên chuẩn bị cho sinh viên xem và dán nhãn các bộ phận.

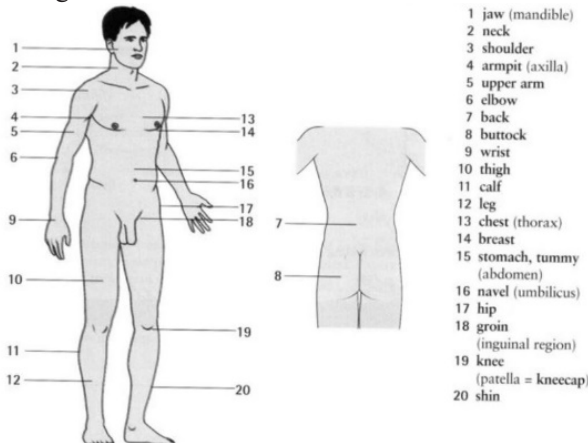
Look at the picture in part A (p.14). Write the names of the following abdominal organs:



Hình 1b. Phần hình ảnh để kiểm tra sau khi giáo viên sinh viên hoàn thành việc dán nhãn tên các bộ phận có trong hình.

2.1.2. Đoán từ sau khi xem tranh (give/ find a name for each picture)

Một hoạt động học từ vựng tên bộ phận trong cơ thể người là đầu tiên sinh viên được xem một sơ đồ tổng thể các bộ phận cơ thể người đã được ghi chú tên đầy đủ, sau đó sinh viên sẽ luyện tập gọi tên những bộ phận cơ thể trên những hình ảnh từng bộ phận tương tự do giáo viên chuẩn bị.



Hình 2a. Sơ đồ tổng thể về các bộ phận trên cơ thể người mà sinh viên sẽ xem và học từ

Give a name for each picture



Hình 2b. Phần hình ảnh trong hoạt động dán nhãn từ vựng giáo viên để cho sinh viên dán nhãn

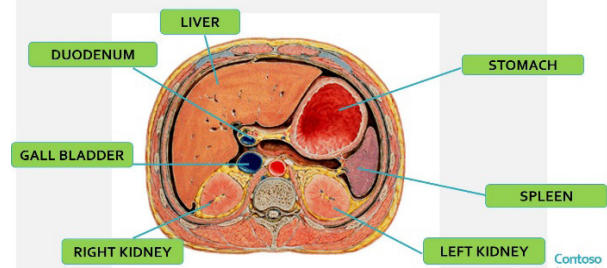
2.1.3. Hoạt động mở rộng

Sinh viên sau khi hoàn thành hoạt động dán nhãn tên thì có thể tiếp tục sử dụng những từ vựng đã học đó để hoàn thành câu hoặc đoạn văn liên quan đến nhóm từ vựng đó. Sau khi sinh viên hoàn thành việc dán nhãn tên của các bộ phận trong khoang bụng ở bài tập phía trên, sinh viên có thể dùng các từ vựng đã học để hoàn thành các câu như ví dụ dưới đây:

Exercise

Complete the sentences with the medical terms in the photo below:

Look at the picture in part A (p.14). Write the names of the following abdominal organs:



- a. Positioned inferiorly to the stomach, the is approximately 25 to 30 cm long. (Đáp án: duodenum)
- b. The are a pair of bean-shaped structures that are located just below and posterior to the liver. (Đáp án: kidney)
- c. The is the largest lymphoid organ in the body, located in the left upper quadrant of the abdomen (Đáp án: spleen)
- d. The is found inferiorly to the liver, being involved in the storage and release of bile into the duodenum. (Đáp án: gall bladder)
- e. Your sits in your upper abdomen on the left side of your body. (Đáp án: stomach)

2.2. Hoạt động giảng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y bằng kỹ thuật ghép cặp (matching)

Một kỹ thuật dạy từ vựng rất phổ biến là ghép cặp

(matching), đối với tiếng Anh chuyên ngành y, giáo viên có thể thiết kế hoạt động ghép cặp những thuật ngữ y khoa khác nhau với định nghĩa đúng của những thuật ngữ đó, ghép cặp những từ, cụm từ đồng nghĩa hoặc ghép cặp những từ, cụm từ trái nghĩa với nhau. Một số ví dụ về các hoạt động giảng dạy từ vựng bằng hoạt động ghép cặp như sau:

Match the anatomical term with its definition

1. abdomen	A. a Latin word meaning "hip" or "hip joint".
2. axilla	B. the two fleshy prominences formed by the gluteal muscles on the lower part of the back
3. carpus	C. the bones between the hand and the lower part of the arm that form the wrist
4. coxa	D. the bone at the front of the knee joint
5. cubitus	E. the lower part of a person's or animal's body, containing the stomach, bowels, and other organs
6. mamma	F. the elbow or lower arm from elbow to fingertip
7. nates	G. an organ of female mammals that contains milk-producing glands
8. patella	H. the hollow place under your arm where your arm joins your body

Hình 3. Hoạt động ghép cặp thuật ngữ y khoa với định nghĩa của nó.

2.3. Hoạt động giảng dạy sự tương hợp từ (collocations)

Hiểu về từ cũng bao gồm cả việc hiểu những nhóm từ mà từ đó thường xuyên có mối liên hệ. Sự tương hợp từ chính là những nhóm từ thường xuất hiện cùng nhau với tần xuất cao. Sự tương hợp từ rất quan trọng bởi theo Nattinger (1988), “nghĩa của từ là do các từ thường đi cùng với nó quyết định”. Trong tiếng Anh y khoa, một số ví dụ về sự tương hợp từ gồm có: acute pain, give an injection, take temperature, make diagnosis. Các hoạt động giảng dạy từ vựng liên quan đến sự tương hợp từ gồm có các bước sau: bước đầu tiên là trình bày sự tương hợp từ trong các ngữ cảnh thông qua việc đánh dấu vị trí của chúng trong văn bản, bước tiếp theo giáo viên có thể thiết kế hoạt động ghép cặp (word-matching) và điền từ (gap-filling) trong việc ôn luyện từ vựng và những từ cùng xuất hiện với nó. Điểm chính của các bài tập được nêu trên là sinh viên có thể quyết định, tự định nghĩa và dùng những từ học được trong việc đặt câu của chính họ. Hoạt động điền từ (gap-filling) là một dạng bài tập phổ biến để mối liên hệ của từ. Trong ví dụ sau đây, sinh viên được yêu cầu chọn tất cả những từ có khả năng phù hợp với ô trống, đôi khi có nhiều hơn 1 đáp án đúng.

Exercise:

Fill in the blanks with suitable medical terms:

- a. After physical, the doctor ordered some lab tests. (Đáp án: examination)
- b. Dr Smith prescribed me a very effective (Đáp án: antibiotic)

Trong một số trường hợp, các từ mới nên được luyện tập thành các cụm ngữ nghĩa (lexical chunks). Một dạng bài tập khác giúp cho sinh viên luyện tập mối liên hệ giữa các từ thường xuất hiện theo cụm ngữ nghĩa chính là dạng bài tập ghép cặp (matching). Trong ví dụ dưới đây, sinh viên nối phần đầu và phần cuối của những câu giao tiếp được sử dụng bởi các bác sĩ:

1	What's wrong	A	pain.
2	What seems to	B	with him?
3	He is in terrible	C	be the trouble?

Trong hoạt động mở rộng, sinh viên có thể dùng những từ vựng mới trong hoạt động viết hoặc nói, bao gồm việc hoàn thành câu và tạo câu mới cũng như đoạn văn mới. Các hoạt động luyện tập viết hoặc nói có thể thực hiện trong lớp Y chuyên ngành là hoàn thành bài phỏng vấn giữa bác sĩ và bệnh nhân với những câu hỏi của bác sĩ hoặc đưa ra lời khuyên cho bệnh nhân trong những tình huống cụ thể.

3. Kết luận

Việc giảng dạy từ vựng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong các khóa học tiếng Anh chuyên ngành. Theo đó, những nguyên tắc giảng dạy từ vựng cơ bản cần đảm bảo gồm có: giới thiệu từ vựng mới trong ngữ cảnh cho thấy rõ cách sử dụng những từ vựng mới đó; từ vựng mới cần được luyện tập và ôn luyện thông qua các kiểu bài tập đa dạng như điền vào chỗ trống, câu hỏi trắc nghiệm, phân loại từ vựng, tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa; những hoạt động học từ vựng theo kiểu tiếp thu lĩnh hội cần được kết hợp với những hoạt động học từ vựng sáng tạo. Các bài tập từ vựng nên cung cấp thông tin mới dựa trên nền tảng kiến thức chuyên ngành của người học. Như vậy, với những hoạt động giảng dạy từ vựng được thiết kế phù hợp với những bài tập thú vị, hữu ích thì các sinh viên sẽ có thêm động lực tiếp thu từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y khoa.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Donesch-Jero, E., “Teaching of vocabulary to medical students in ESP course”. Langlit: an International Peer-Reviewed Open Access Journal, 2014
- [2]. Kimkong, H., “Some suggestions on how to teach English vocabulary effectively”, Cambodian education forum, 2020.
- [3]. Nattinger, J.R., “Vocabulary and language teaching”, London: Longman, 1988